

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN TUẤN QUANG

**BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHẠM  
NHÂN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

*Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự*  
*Mã số: 60 38 01 40*

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Khắc Hải**

*Phản biện 1:* .....

*Phản biện 2:* .....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

*Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2015*

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa  
Lời cam đoan  
Mục lục

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHẠM NHÂN BẰNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT</b> .....	7
1.1. Khái niệm bảo đảm quyền con người của phạm nhân bằng pháp luật .....	7
1.1.1. Khái niệm quyền con người của phạm nhân .....	7
1.1.2. Khái niệm bảo đảm các quyền con người của phạm nhân bằng pháp luật .....	9
1.2. Những nhóm quyền con người của phạm nhân cần được bảo đảm .....	13
1.2.1. An toàn về thân thể và tôn trọng nhân phẩm .....	14
1.2.2. Quyền được bảo đảm mức sống tiêu chuẩn đầy đủ (điều kiện sống) .....	19
1.2.3. Quyền về y tế .....	22
1.2.4. Sử dụng thời gian trong trại giam hữu ích nhất .....	24
1.2.5. Quyền liên lạc với bên ngoài, vấn đề giam kín và biệt giam .....	27
1.2.6. Khiếu nại và thanh tra trại giam .....	29
1.3. Bảo vệ quyền của phạm nhân ở một số nước trên thế giới .....	30
1.3.1. Bảo vệ quyền của phạm nhân ở Nhật Bản .....	30
1.3.2. Bảo vệ quyền của phạm nhân ở Hoa Kỳ .....	31
1.3.3. Bảo vệ quyền của phạm nhân ở Cộng hòa Liên Bang Đức .....	32
1.3.4. Bảo vệ quyền của phạm nhân ở Anh .....	33
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI VÀ THỰC TIỄN Ở ĐẮK LẮK</b> .....	35
2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền con người của phạm nhân .....	35
2.1.1. Hiến pháp .....	35
2.1.2. Các luật và văn bản dưới luật .....	37
2.2. Những kết quả đạt được trong việc bảo đảm quyền con người của phạm nhân .....	40
2.2.1. Chế độ ăn của phạm nhân .....	40

2.2.2.	Chế độ mặc của phạm nhân .....	41
2.2.3.	Chế độ ở của phạm nhân.....	42
2.2.4.	Tổ chức lao động sản xuất, dạy nghề cho phạm nhân.....	43
2.2.5.	Chế độ bảo hộ lao động .....	44
2.2.6.	Chế độ học tập .....	44
2.2.7.	Chế độ gặp thân nhân, gửi, nhận thư, quà, tiền, trao đổi thông tin bằng điện thoại và mua hàng tại căng tin .....	47
2.2.8.	Tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, đặc xá tha tù trước thời hạn .....	47
2.2.9.	Khiếu nại, tố cáo .....	49
2.3.	Một số tồn tại, hạn chế trong việc bảo đảm quyền con người của phạm nhân và nguyên nhân.....	49
2.3.1.	Về chế độ giam giữ .....	52
2.3.2.	Về chế độ ăn.....	52
2.3.3.	Chế độ mặc.....	53
2.3.4.	Chế độ ở .....	54
2.3.5.	Chế độ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin.....	56
2.3.6.	Chế độ chăm sóc y tế .....	56
2.3.7.	Chế độ học tập .....	56
2.3.8.	Chế độ lao động, dạy nghề.....	57
2.3.9.	Quyền được gặp thân nhân, nhận, gửi thư, quà, trao đổi thông tin bằng điện thoại và mua hàng tại căng tin .....	60
2.3.10.	Quyền khiếu nại, tố cáo .....	60
2.3.11.	Quyền được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, và đặc xá của phạm nhân.....	61
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHẠM NHÂN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM .....</b>		<b>64</b>
3.1.	Hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam .....	64
3.1.1.	Hoàn thiện pháp luật hình sự .....	64
3.1.2.	Hoàn thiện hệ thống pháp luật thi hành án phạt tù.....	66
3.2.	Bảo đảm sự thực thi của pháp luật.....	69
3.2.1.	Xác lập cơ chế thanh tra, kiểm tra giám sát để phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh các sai phạm vi phạm quyền và nghĩa vụ của phạm nhân .....	69

3.2.2. Xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cán bộ phục vụ cho công tác giam giữ, quản lý, giáo dục cũng như bảo đảm các quyền của phạm nhân chấp hành hình phạt tù ở trại giam.....	72
3.3. Xã hội hóa công tác giáo dục cải tạo phạm nhân nhằm tăng cường bảo vệ các quyền con người của phạm nhân.....	75
3.3.1. Cơ sở pháp lý .....	76
3.3.2. Nội dung xã hội hóa giáo dục, cải tạo phạm nhân.....	81
<b>KẾT LUẬN</b> .....	87
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	89

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đang ngày càng quan hệ gắn bó hơn với thế giới văn minh, trong đó bảo vệ quyền con người là một trong những vấn đề nền tảng để có được sự tôn trọng quốc gia và giúp tăng cường các quan hệ hợp tác quốc tế. Là một thành viên của Liên hợp quốc, nhà nước Việt Nam đã tham gia vào nhiều văn kiện quốc tế để đảm bảo các quyền con người được thừa nhận và bảo vệ, như Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị (Việt Nam gia nhập ngày 24/09/1982), Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Việt Nam gia nhập ngày 24/09/1982). Đáng chú ý là vào ngày 7 tháng 11 năm 2013 Việt Nam đã ký tham gia Công ước của Liên Hợp quốc về chống tra tấn và trừng phạt hoặc đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo hoặc làm mất phẩm giá (Công ước chống tra tấn 1984). Như vậy là chỉ trong vòng 2 năm kể từ khi Luật thi hành án hình sự của Việt Nam có hiệu lực, Công ước chống tra tấn được ký sẽ tạo thêm những cơ sở pháp lý bảo đảm cho quyền của phạm nhân. Tuy nhiên trên thực tế việc bảo đảm quyền của phạm nhân trong nhiều trại giam của Việt Nam vẫn là một vấn đề rất đáng quan tâm. Thực hiện các quy phạm pháp luật thi hành án hình sự, nhất là thực hiện các quy phạm pháp luật thi hành án phạt tù đảm bảo quyền con người đang đứng trước những khó khăn nhất định: tình hình người phải chấp hành án phạt tù ngày càng tăng, hệ thống trại giam đang quá tải, cơ sở vật chất nhiều trại giam bị xuống cấp. Hơn nữa, khi nói đến hình phạt tù và phạm nhân, xã hội thường có tâm lý xa lánh, kỳ thị và xem hành động trừng phạt họ là đương nhiên. Thế nhưng con người càng văn minh thì càng nhận thức được quyền lợi của mình, không chỉ quyền cho người sống bình thường, lương thiện mà còn quyền cho những phạm nhân. Phạm nhân cũng phải được tôn trọng phẩm giá, phải được đối xử như một con người. Hành vi phạm tội của họ đến đâu thì họ bị ở tù, bị mất tự do đến đó, không ai được phép tra tấn, bỏ đói, nhục mạ họ. Chính vì vậy, yêu cầu của xã hội đối với hoạt động thi hành án phạt tù ngày càng cao.

Trước tình hình đó, việc nghiên cứu đề tài “**Bảo đảm quyền con người của phạm nhân theo pháp luật Việt Nam**” trên cơ sở tương thích với các chuẩn mực quốc tế và bắt kịp với thực tiễn ở Việt Nam nói chung và thực tiễn ở Đắk Lắk nói riêng là cần thiết và có ý nghĩa to lớn, góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam hướng tới bảo đảm tốt hơn các quyền con người của phạm nhân.

## 2. Tình hình nghiên cứu

Trong khoa học pháp lý vấn đề bảo vệ quyền con người trong pháp luật nói chung và bảo vệ quyền của phạm nhân trong pháp luật thi hành án phạt tù nói riêng đã được nhiều tác giả, nhà nghiên cứu hết sức quan tâm nhất là trong thời kỳ đổi mới, hội nhập. Đã có nhiều bài viết, công trình nổi bật được nghiên cứu từ các góc độ và với mức độ khác nhau. Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu như sau:

Về sách, giáo trình có cuốn sách chuyên khảo *Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn* của PGS.TS Võ Khánh Vinh, Nguyễn Mạnh Kháng đồng chủ biên, do Nhà xuất bản Tư pháp xuất bản năm 2006; *Hoàn thiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực thi hành án hình sự ở Việt Nam* của TS.Vũ Trọng Hách, NXB Tư pháp, năm 2006; *Một số vấn đề thi hành án hình sự*, của tác giả Trần Quang Tiệp, NXB Công An Nhân Dân, năm 2002; Sách tham khảo *Bình luận khoa học Luật thi hành án hình sự và các quy định mới nhất về thi hành án hình sự* của TS.Trần Minh Hưởng, NXB Hồng Đức, năm 2011; *Thi hành án phạt tù từ thực tiễn đến khoa học giáo dục* của PGS.TS Nguyễn Hữu Duyệt, NXB Công an nhân dân, năm 2010. Đây là các công trình nghiên cứu chuyên sâu về thi hành án hình sự, nhất là thi hành án phạt tù với hướng nghiên cứu tổng quan, sâu sắc về thực tiễn lý luận của hoạt động thi hành án. Hay nghiên cứu cụ thể ở một khía cạnh khác như cuốn sách *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác giáo dục phạm nhân trong giai đoạn hiện nay* của PGS.TS Nguyễn Hữu Duyệt, NXB Công an nhân dân, năm 2010. Các công trình có hướng nghiên cứu khác nhau nhưng trực tiếp hay gián tiếp cũng đã đề cập đến vấn đề bảo vệ quyền của phạm nhân trong pháp luật thi hành án hình sự.

Về bài viết, tạp chí và chuyên đề nghiên cứu phải kể đến *Những vấn đề lý luận về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật hình sự* của GS.TSKH Lê Cẩm, đăng trên tạp chí Tòa án nhân dân số 11(6)/2006; *Thực trạng công tác thi hành án hình sự và những kiến nghị* của tác giả Nguyễn Phong Hoà, đăng trên tạp chí TAND số 21/2006; *Thực trạng pháp luật thi hành án phạt tù và phương hướng hoàn thiện* của Phạm Văn Lợi, đăng trên tạp chí Nhà nước và pháp luật số 02 /2006; Chuyên đề nghiên cứu khoa học *Thực trạng các quy phạm pháp luật thi hành án hình sự về bảo vệ quyền con người* của TS. Nguyễn Đức Phúc, đơn vị Học viện CSND, năm 2011; *Dạy nghề cho phạm nhân và bảo đảm việc làm cho người mãn hạn tù* của ThS.Thượng tá Nguyễn Văn Cừ, đăng trên tạp chí Nhân quyền

số 1+2/2011. Đây là các công trình nghiên cứu tổng thể trong đó có một số lĩnh vực cụ thể trong thi hành án phạt tù mà quyền con người được cần được quan tâm và bảo đảm thực hiện.

Về luận văn có một số công trình như *Thi hành án phạt tù ở Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn của Nguyễn Anh Hòa, Khoa Luật – ĐHQG Hà Nội, năm 2002; *Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp*, Luận án tiến sĩ luật học của Nguyễn Huy Hoàn, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, Năm 2004; *Phòng ngừa tội phạm thông qua hoạt động thi hành án phạt tù của lực lượng Cảnh sát nhân dân hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học của Lê Văn Thư, Học viện cảnh sát nhân dân, năm 2004; *Hình phạt tù và thi hành hình phạt tù - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ luật học của Trần Thị Thu Hằng, Khoa Luật – ĐHQG Hà Nội, năm 2009; *Thực hiện pháp luật về quyền con người của phạm nhân trong thi hành án phạt tù ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ của Nguyễn Đức Phúc, Học viện cảnh sát nhân dân, năm 2012; *Một số vấn đề chủ yếu về pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam trong việc bảo vệ các quyền con người*, Luận văn Thạc sĩ luật học, của Hứa Thị Thơ, Khoa Luật – ĐHQG Hà Nội, năm 2012. Trong các công trình nghiên cứu này, vấn đề quyền của phạm nhân và bảo vệ quyền của phạm nhân đã được nghiên cứu cụ thể và rõ ràng, đồng thời cũng đã nghiên cứu về các giải pháp để quyền của phạm nhân được thực hiện có hiệu quả trong thi hành án hình phạt tù.

Tuy nhiên, các công trình khoa học nêu trên chỉ nghiên cứu có tính chất tổng thể hoặc về những vấn đề chung của hình phạt, mà chưa công trình nghiên cứu nào đi sâu vào sự thể hiện tư tưởng bảo đảm quyền của phạm nhân trong pháp luật Việt Nam và sự tương thích của nó với pháp luật quốc tế. Hơn nữa, các công trình chủ yếu được nghiên cứu khi các quy định của pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam nằm rải rác trong các văn bản mà chưa được pháp điển hóa thành luật, vì vậy ý nghĩa, giá trị phục vụ nghiên cứu sau này và tính cập nhật không cao. Đó là những vấn đề mà luận văn này mong muốn góp phần giải quyết.

### **3. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích cơ bản của đề tài là làm sáng tỏ một cách có hệ thống, đầy đủ và chi tiết về việc bảo đảm các quyền con người của phạm nhân, cũng như cơ chế bảo đảm các quyền này trên thực tế, nghiên cứu những chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế về bảo đảm quyền của phạm nhân. Từ những kết quả nghiên cứu, luận văn đưa ra một số khuyến nghị nhằm bảo đảm quyền con người của phạm nhân bằng pháp luật tại Việt Nam hiện nay.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**



Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn này tập trung nghiên cứu giải quyết những nội dung sau:

- a. Khái niệm bảo đảm quyền các con người của phạm nhân bằng các quy định của pháp luật;
- b. Những chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế về bảo đảm các quyền con người của phạm nhân;
- c. Xã hội hóa công tác giáo dục cải tạo phạm nhân nhằm tạo cơ chế bảo vệ tốt hơn các quyền con người của phạm nhân;
- d. Lịch sử hình thành và phát triển những quy định của pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền của phạm nhân;
- e. Những quy định, chế định liên quan trực tiếp đến bảo đảm quyền của phạm nhân trong pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam hiện hành;
- f. Đánh giá việc áp dụng các quy phạm pháp luật hiện hành về bảo đảm quyền con người của phạm nhân ở Đắk Lắk;
- g. Làm rõ những tồn tại, hạn chế trong bảo đảm các quyền con người của phạm nhân thông qua các số liệu, thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk làm cơ sở đề xuất các giải pháp;

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Các phương pháp tiếp cận được sử dụng đó là: phương pháp phân tích – chứng minh, logic, phương pháp thống kê hình sự, phương pháp phân tích – tổng hợp, phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp lịch sử, liệt kê,...Đặc biệt trong đó tác giả nhấn mạnh chú ý tới các phương pháp tổng hợp – hệ thống, đối chiếu so sánh, lịch sử phân tích, thống kê, khảo sát thực tiễn, phương pháp xã hội học, ...để qua đó đưa ra được những kết luận khoa học mang tính thuyết phục cao, đề xuất các phương án cụ thể sao cho phù hợp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật thi hành án hình sự cũng như một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật nhằm bảo vệ tốt hơn và toàn diện hơn quyền của phạm nhân.

## **6. Những đóng góp của luận văn**

Kế thừa các nghiên cứu khoa học và thực tiễn về bảo đảm các quyền con người của phạm nhân của các học giả luật học, luật gia trong nước và quốc tế, luận văn có những đóng góp mới trong việc nghiên cứu, cụ thể là:

- a. Trên cơ sở làm rõ các khía cạnh lý luận và thực tiễn của quyền phạm nhân, nghiên cứu đã tiếp cận khái niệm và các đặc điểm của việc bảo đảm quyền con người của phạm nhân;
- b. Nghiên cứu so sánh pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam với chuẩn mực quốc tế và pháp luật quốc tế về bảo đảm quyền con người của phạm nhân;

c. Phân tích thực trạng bảo đảm các quyền con người của phạm nhân trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó chỉ ra những tồn tại và hạn chế của cơ chế bảo đảm và làm sáng tỏ những nguyên nhân của chúng;

d. Từ việc nghiên cứu bao quát, có hệ thống, với các góc nhìn khác nhau, nghiên cứu này kết hợp lý luận với thực tiễn, kết hợp truyền thống lập pháp của quốc gia với chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế để rút ra những cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật quốc gia và cơ chế thực thi chúng nhằm bảo vệ toàn diện hơn nữa các quyền con người của phạm nhân tại Việt Nam.

## **7. Bố cục**

Ngoài phần lời mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo khóa luận bao gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về bảo đảm quyền con người của phạm nhân trong pháp luật Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam về bảo đảm quyền của phạm nhân và thực tiễn áp dụng

Chương 3: Một số giải pháp bảo đảm quyền của phạm nhân bằng các quy định của pháp luật Việt Nam

# **CHƯƠNG 1**

## **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHẠM NHÂN BẰNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

### **1.1. Khái niệm bảo đảm quyền con người của phạm nhân bằng pháp luật**

#### *1.1.1. Khái niệm quyền con người của phạm nhân*

Quyền là cái mà pháp luật, xã hội phong tục hay lễ phải cho phép hưởng thụ, vận dụng, thi hành và khi thiếu được yêu cầu để có, nếu bị tước đoạt có thể đòi hỏi để giành lại. Như vậy, để được coi là quyền và được bảo vệ cần có sự thể hiện thái độ của xã hội và luật pháp. Hay nói cách khác, những quyền tự nhiên vốn có của con người như quyền sống, quyền tự do cá nhân, quyền mưu cầu hạnh phúc và các lợi ích, nhu cầu khác trở thành quyền khi được xã hội, luật pháp ghi nhận và đảm bảo thực hiện.

Tuy nhiên, khi bị kết án phạt tù nghĩa là sẽ bị tước quyền tự do và phạm nhân có những quyền bị mất, bị hạn chế như sau:

Như vậy, dù bị cầm tù phạm nhân vẫn là những con người và có những quyền cơ bản của con người, tuy nhiên quyền của phạm nhân bị hạn chế hơn so với quyền con người. Và quyền của phạm nhân chỉ xuất hiện

khi người bị kết án phạt tù được coi là phạm nhân, đó là khi họ được trại giam, phân trại giam, nhà tạm giữ thuộc cơ quan thi hành án hình sự tiếp nhận để thi hành án phạt tù đến thời điểm họ được trả tự do.

### *1.1.2. Khái niệm bảo đảm các quyền con người của phạm nhân bằng pháp luật*

Trong lời nói đầu Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 đã khẳng định "*Điều cốt yếu là các quyền con người phải được bảo vệ bằng pháp luật*". Quyền con người dù là quyền tự nhiên hay quyền pháp lý thì để đảm bảo trong thực tiễn cũng cần có pháp luật. Con người cùng với các quyền con người luôn là đối tượng phản ánh của hệ thống pháp luật. Và cũng chỉ có thông qua pháp luật các quyền con người mới được ghi nhận, bảo vệ và thúc đẩy một cách có hiệu quả nhất. Quyền của phạm nhân cũng vậy, nhưng cụ thể bảo vệ quyền của phạm nhân trong pháp luật thi hành án hình sự là như thế nào?

## **1.2. Những nhóm quyền con người của phạm nhân cần được bảo đảm**

Có thể khái quát các quyền cơ bản của phạm nhân cần được bảo vệ thành 6 nhóm quyền sau:

- *An toàn về thân thể và tôn trọng nhân phẩm: bao gồm cấm tra tấn, đối xử tàn ác, vô nhân đạo; việc nhập trại và phân loại phạm nhân; bảo đảm an toàn, trật tự an ninh;*

- *Quyền được bảo đảm mức sống tiêu chuẩn đầy đủ (điều kiện sống): bao gồm nơi ở, lương thực, thực phẩm, chỗ ngủ;*

- *Quyền về y tế: bao gồm quyền của phạm nhân tiếp cận dịch vụ y tế; điều kiện vệ sinh;*

- *Sử dụng thời gian trong trại giam hữu ích nhất: việc lao động, giáo dục, văn hóa, tôn giáo, học nghề, chuẩn bị cho việc tái hòa nhập;*

- *Quyền liên lạc với bên ngoài, vấn đề giam kín và biệt giam;*

- *Quyền khiếu nại;*

### *1.2.1. An toàn về thân thể và tôn trọng nhân phẩm*

#### *1.2.1.1. Cấm tra tấn*

Điều 5 của Tuyên bố chung về quyền con người của Liên Hợp Quốc (UDHR) quy định rằng không ai phải chịu đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục. Quy định này được cụ thể hóa trong Công ước về các quyền chính trị và dân sự của Liên Hợp Quốc (ICCPR), Công ước chống tra tấn (1984) và một số văn kiện pháp lý khác. Quyền này là một trong số ít các quyền tuyệt đối mà các quốc gia không thể đặt ra bất kỳ giới hạn nào đối với quyền này. Trong mọi hoàn cảnh, không thể tạm đình chỉ

hay ngưng áp dụng quyền này.

*1.2.1.2. Việc nhập trại và phân loại phạm nhân*

*1.2.1.3. An toàn, trật tự an ninh*

*1.2.1.4. Các biện pháp kỷ luật*

*1.2.2. Quyền được bảo đảm mức sống tiêu chuẩn đầy đủ (điều kiện sống)*

Tuyên ngôn nhân quyền, tại Điều 25, tuyên bố quyền của mọi người được có một mức sống thích đáng cho bản thân và gia đình mình, bao gồm các khía cạnh về ăn, mặc, nhà ở. ICESCR, tại khoản 1, Điều 11 tái khẳng định quyền này, và đòi hỏi mọi người phải được hưởng sự không ngừng cải thiện điều kiện sống. Khoản 2 Điều 11 này còn khẳng định quyền của mọi người không bị đói.

Dưới đây sẽ đi vào chi tiết hơn vào ba khía cạnh của quyền có một mức sống thích đáng, hay nói cách khác là được bảo đảm điều kiện sống tối thiểu, bao gồm: 1) *Nơi ở*; 2) *Lương thực, thực phẩm và nước sạch*; 3) *Quần áo và nơi ngủ*.

*1.2.2.1. Nơi ở*

QTTCTT có quy định về việc nơi ở: Ở nơi nào mà chỗ ngủ là buồng hoặc phòng cá nhân thì vào buổi tối, mỗi tù nhân phải được ở trong một buồng hay phòng của chính người đó. Nếu vì những lý do đặc biệt, chẳng hạn như tạm thời có quá đông tù nhân, thì việc ban quản lý trung ương của nhà tù thực hiện một ngoại lệ đối với quy tắc này là cần thiết. Không nên có hai tù nhân trong một phòng hay một buồng. Ở nơi nào sử dụng phòng tập thể thì tù nhân phải được lựa chọn cẩn thận để phù hợp cho việc kết giao giữa họ với nhau trong những điều kiện đó. Phải có sự giám sát thường xuyên vào buổi tối theo đúng bản chất của loại nhà tù này (đoạn 9).

*1.2.2.2. Lương thực, thực phẩm và nước sạch*

*1.2.2.3. Quần áo và nơi ngủ*

*1.2.3. Quyền về y tế*

Sức khỏe có vai trò đặc biệt quan trọng đối với mọi cá nhân, bao gồm một số khía cạnh như tiếp cận dịch vụ y tế, điều kiện y tế nơi giam giữ, chăm sóc sức khỏe các trường hợp đặc biệt, vệ sinh và luyện tập thể thao... sẽ được phân tích dưới đây.

*1.2.3.1. Quyền của phạm nhân tiếp cận dịch vụ y tế*

*1.2.3.2. Điều kiện y tế nơi giam giữ*

*1.2.3.3. Chăm sóc sức khỏe các trường hợp đặc biệt*

*1.2.3.4. Vệ sinh*

*1.2.3.5. Luyện tập thể thao*

*1.2.4. Sử dụng thời gian trong trại giam hữu ích nhất*

Với tinh thần nhân đạo và tôn trọng nhân phẩm con người, QTTCTT xác định mục đích hình phạt giam giữ là nhằm mục đích bảo vệ xã hội nhằm chống lại tội phạm, và mục đích này chỉ có thể đạt được nếu thời gian ngồi tù được sử dụng để bảo đảm, trong khả năng lớn nhất, rằng khi người phạm tội trở về thì họ sẵn sàng, có khả năng sống theo pháp luật và nuôi sống bản thân (đoạn 58). QTTCTT còn khuyến nghị các nhà tù phải giảm đến mức thấp nhất những khác biệt với thế giới bên ngoài, có những bước cần thiết để bảo đảm cho tù nhân quay lại dần dần với đời sống xã hội (đoạn 60). Dưới đây, các khía cạnh lao động, giáo dục, các hoạt động văn hóa, tôn giáo, chuẩn bị cho việc trả tự do... sẽ được phân tích sâu.

#### *1.2.4.1. Lao động*

#### *1.2.4.2. Giáo dục và các hoạt động văn hóa*

#### *1.2.4.3. Tôn giáo*

#### *1.2.4.4. Chuẩn bị cho việc trả tự do*

#### *1.2.5. Quyền liên lạc với bên ngoài, vấn đề giam kín và biệt giam*

Con người là một " động vật xã hội " có nhu cầu giao tiếp với đồng loại, việc tước đoạt quyền giao tiếp với những người xung quanh của một cá nhân làm tổn hại tới tinh thần, sức khỏe cũng như phẩm giá của người đó. Hơn thế, việc gặp gỡ hay liên lạc với những người khác có ý nghĩa tạo ra sự minh bạch, hạn chế sự vi phạm các quyền khác của cá nhân.

#### *1.2.6. Khiếu nại và thanh tra trại giam*

Đoạn 36 QTTCTT quy định tương đối chi tiết về quyền khiếu nại của phạm nhân. Vào ngày làm việc trong tuần, mọi tù nhân phải có cơ hội đề nghị hay khiếu nại với giám đốc nhà tù hoặc người được ủy quyền đại diện cho giám đốc nhà tù (điểm a). Tù nhân có thể đề nghị hay khiếu nại tới thanh tra viên nhà tù trong thời gian thanh tra. Tù nhân phải có cơ hội nói chuyện với thanh tra viên hay bất kỳ viên chức thanh tra nào khác mà không có mặt giám đốc hay những cán bộ, nhân viên khác của nhà tù (điểm b).

### **1.3. Bảo vệ quyền của phạm nhân ở một số nước trên thế giới**

#### **1.3.1. Bảo vệ quyền của phạm nhân ở Nhật Bản**

Ở Nhật Bản, thi hành hình phạt ở dạng tước quyền tự do được điều chỉnh bằng Luật về nhà tù năm 1908. Ngoài ra có nhiều bổ sung đáng kể cho Luật này được ban hành vào năm 1933 bằng một sắc lệnh của Bộ trưởng về giáo dục tiến bộ trong các cơ quan chấp hành hình phạt. Sau gần 20 năm nghiên cứu về vấn đề cải cách, đến năm 1976 Bộ Tư pháp mới soạn thảo xong dự thảo những cơ sở cải cách Luật về nhà tù. Dự thảo này đã ghi nhận trong pháp luật quyền và nghĩa vụ của tù nhân.

### 1.3.2. Bảo vệ quyền của phạm nhân ở Hoa Kỳ

Mỹ hệ thống trại giam liên bang được quản lý bởi Cục trại giam Liên bang (Federal Bureau of Prisons - FBP), cơ quan này được thành lập vào năm 1930 nhằm mục đích quản lý 12 trại giam liên bang vào lúc đó. Đến nay, Cục điều hành 116 cơ sở giam giữ, 6 văn phòng khu vực, quản lý hơn 200.000 phạm nhân. Cục hiện nay có khoảng gần 40.000 nhân viên, bao gồm đội ngũ bảo đảm an ninh và cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục cho phạm nhân.

### 1.3.3. Bảo vệ quyền của phạm nhân ở Cộng hòa Liên Bang Đức

Cộng hòa Liên bang Đức có đạo luật riêng về thi hành hình phạt tù, với tên gọi Luật về thi hành hình phạt tù và các biện pháp tái hòa nhập và phòng ngừa liên quan đến việc tước tự do (Luật về nhà tù). Đạo luật này có các quy định chi tiết liên quan đến các lĩnh vực như: nơi ở, lương thực, việc thăm gặp, thư tín, việc rời khỏi nhà tù trong các trường hợp đặc biệt, học nghề, thực hành tôn giáo, dịch vụ y tế, hoạt động giải trí, các biện pháp kỷ luật và trật tự. Đạo luật này còn có các quy định riêng đối với tù nhân nữ, chẳng hạn liên quan đến trường hợp mang thai và sinh đẻ.

### 1.3.4. Bảo vệ quyền của phạm nhân ở Anh

Tại Anh, hệ thống nhà tù được quản lý bởi Cơ quan nhà tù Hoàng gia (Her Majesty's Prison Service), đặt dưới sự điều hành của Cơ quan quản lý tội phạm quốc gia (National Offender Management Service) - một cơ quan thuộc Chính phủ. Cơ quan nhà tù Hoàng gia quản lý hầu hết các nhà tù tại Anh và xứ Wales, trong khi tại Scotland và Bắc Ireland có hệ thống cơ quan quản lý nhà tù riêng. Tổng Giám đốc của Cơ quan quản lý tội phạm quốc gia là người điều hành cao nhất của hệ thống trại giam. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Mục đích của Cơ quan nhà tù Hoàng gia được nêu là hướng đến việc "phục vụ cộng đồng bằng việc giam giữ những người đã bị tòa án kết tội; chăm sóc họ với lòng nhân ái và giúp họ có cuộc sống tuân thủ pháp luật và hữu ích trong thời gian bị giam giữ và sau khi được thả". Năm 2009 hệ thống nhà tù tại Anh có 131 trại giam (bao gồm 11 trại giam tư nhân). Đến cuối năm 2010 hệ thống trại giam có khoảng 90.000 phạm nhân.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI VÀ THỰC TIỄN Ở ĐẮK LẮK**

#### **2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền con người của phạm nhân**

Ở những nước mà mức sống của nhân dân còn thấp, một số người cho rằng những người bị giam không xứng đáng được sống trong những điều kiện tốt và đảm bảo quyền con người, bởi nhiều người không ở tù còn đang phải vật lộn để đủ sống và chu cấp cho gia đình, thì tại sao lại phải lo lắng đến điều kiện sống của những người không tôn trọng pháp luật? Nhưng câu trả lời là: Nếu Nhà nước tự cho phép mình quyền tước đi quyền tự do của một con người vì bất kỳ lý do nào, thì Nhà nước phải có trách nhiệm đảm bảo cho người bị tước tự do đó được chăm sóc tốt và nhân ái. Chính quyền không bao giờ được viện lý do rằng những công dân bình thường còn đang gặp khó khăn trong cuộc sống để biện minh cho sự đối xử không đúng đối với những người do họ chịu trách nhiệm. Nguyên tắc này thuộc về nguyên tắc gốc của xã hội dân chủ, trong đó các cơ quan công quyền phải được coi là tấm gương cho cung cách đối xử với công dân.

##### ***2.1.1. Hiến pháp***

Hiến pháp năm 2013 ghi nhận cả bốn nghĩa vụ của Nhà nước về công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm (thực hiện) quyền con người (Điều 3 và Điều 14), tương tự như sự xác định ở Lời mở đầu của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (năm 1948).

Kế thừa Hiến pháp năm 1946 và tinh hoa tư tưởng nhân loại, trong Hiến pháp năm 2013, tại khoản 1, Điều 14 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”.

##### ***2.1.2. Các luật và văn bản dưới luật***

Trong Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng thể hiện rõ rệt nhất quy định về Quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể:

Pháp luật thi hành án hình sự hiện hành về bảo vệ quyền của phạm nhân chủ yếu nằm trong chương 37 Bộ luật tố tụng hình sự (Điều 260 tới điều 263), chương 38,39 (Điều 268 tới điều 271), chương 3 Luật thi hành án hình sự (Điều 21 tới điều 53).

#### **2.2. Những kết quả đạt được trong việc bảo đảm quyền con người của phạm nhân**

### **2.2.1. Chế độ ăn của phạm nhân**

Theo chế độ của Nhà nước, phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù về cơ bản được các trại giam bảo đảm thực hiện chế độ ăn, mặc, ở.

### **2.2.2. Chế độ mặc của phạm nhân**

Mỗi năm, phạm nhân được phát 02 bộ quần áo dài bằng vải thường theo mẫu thống nhất, 02 bộ quần áo lót, 02 khăn mặt, 02 chiếc chiếu, 02 đôi dép, 01 mũ hoặc nón, 01 áo mưa nilông; mỗi tháng phạm nhân nữ được cấp thêm đồ dùng vệ sinh cá nhân cần thiết có giá trị tương đương 02 kg gạo tẻ thường; 04 năm, phạm nhân được cấp 01 màn, 01 chăn; đối với phạm nhân ở các trại giam từ thành phố Đà Nẵng trở vào được phát chăn sợi, từ tỉnh Thừa Thiên Huế trở ra được phát chăn bông không quá 02 kg và 01 áo ấm dùng trong 03 năm.

### **2.2.3. Chế độ ở của phạm nhân**

Phạm nhân đều được ở trong các buồng tập thể của trại giam quy định (trừ những phạm nhân là người có bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm; Phạm nhân có dấu hiệu bị bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình trong thời gian chờ quyết định của Tòa án; hoặc Phạm nhân thường xuyên vi phạm nội quy, quy chế trại giam). Chỗ ở của phạm nhân đều đảm bảo thoáng mát, hợp vệ sinh và môi trường. Chỗ nằm tối thiểu của mỗi phạm nhân là 02 mét vuông ( $2\text{ m}^2$ ), có bệ gạch men, ván sàn hoặc giường. Đối với phạm nhân có con nhỏ ở cùng thì được bố trí chỗ nằm tối thiểu là 03 mét vuông ( $3\text{ m}^2$ ), có bệ gạch men, ván sàn hoặc giường.

### **2.2.4. Tổ chức lao động sản xuất, dạy nghề cho phạm nhân**

Lao động là hoạt động có mục đích của con người, bằng công cụ sản xuất để cải tạo và tạo ra những sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu của mỗi con người và xã hội. Lao động sáng tạo ra chính bản thân con người và xã hội loài người. Lao động để cải tạo thiên nhiên và cải tạo con người.

### **2.2.5. Chế độ bảo hộ lao động**

Lao động ở trại giam thường là lao động phổ thông với các ngành nghề như nông nghiệp, khai thác vật liệu xây dựng (khai thác đá, than, gạch), khai thác lâm sản (bóc tách hạt điều, vận hành máy cưa). Thấy được những bất lợi và ảnh hưởng đến sức khỏe, Tổng cục thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp cũng đã chỉ đạo ráo riết các trại giam phải thực hiện bảo vệ lao động và hầu hết các trại có phạm nhân lao động với công việc độc hại đều có bảo hiểm như găng tay, mũ bảo hiểm (nếu làm nghề xây dựng), ủng, khẩu trang... Những trại giam tại Đắk Lắk về cơ bản đã bảo đảm về chế độ bảo hộ lao động cho phạm nhân.

### **2.2.6. Chế độ học tập**



Học tập pháp luật là hoạt động có định hướng, có tổ chức của trại giam tác động lên phạm nhân một cách có hệ thống và thường xuyên nhằm hình thành những thói quen trí thức pháp lý, hành vi phù hợp các đòi hỏi của các quy định pháp luật hiện hành cũng như xã hội.

### **2.2.7. Chế độ gặp thân nhân, gửi, nhận thư, quà, tiền, trao đổi thông tin bằng điện thoại và mua hàng tại căng tin**

Trại giam tổ chức cho phạm nhân được gửi, nhận thư của thân nhân gia đình phạm nhân, được gửi tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân phiếu, ngoại tệ gửi vào Sổ lưu ký; được nhận đồ vật nhu yếu phẩm. Để tạo điều kiện, giảm bớt khó khăn trong việc vận chuyển và tạo thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát các loại vật cấm, chất cấm, Giám thị trại giam đã có hình thức vận động, khuyến khích, động viên thân nhân phạm nhân mua hàng tại căng tin của trại giam để gửi cho phạm nhân.

### **2.2.8. Tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, đặc xá tha tù trước thời hạn**

Nhiều trại giam đã cố gắng, nỗ lực để những trường hợp sau đây được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù theo quy định của pháp luật:

#### **Bảng 1: Thống kê về hoãn chấp hành và tạm đình chỉ chấp hành**

#### **thi hành án hình sự 2013-2014 tại Đắk Lắk**

Năm	Hoãn chấp hành	Tạm đình chỉ
2013	70	10
2014	70	08
<b>Tổng cộng</b>	<b>140</b>	<b>18</b>

### **2.2.9. Khiếu nại, tố cáo**

Trong nhiều năm qua, các trại giam đã thực hiện tương đối tốt vấn đề giải quyết khiếu nại cho phạm nhân. Theo báo cáo, hàng năm có những đơn tố cáo có liên quan đến việc thực hiện chế độ chính sách đối với phạm nhân, trong đó có một số đơn tố cáo đúng sự thật, một số tố cáo đúng một phần; một số tố cáo sai và số còn lại cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh nhưng không xác định được địa chỉ hoặc không có cơ sở để kết luận vụ việc.

## **2.3. Một số tồn tại, hạn chế trong việc bảo đảm quyền con người của phạm nhân và nguyên nhân**

Qua các năm số phạm nhân ngày càng tăng lên, các phạm nhân chủ yếu được giam ở trại giam, phân trại quản lý phạm nhân ở trại tạm giam (còn gọi là phân trại giam) và số ít ở nhà tạm giữ.

**Bảng 2: Thống kê số lượng phạm nhân tại các trại giam ở tỉnh Đắk Lắk**

<i>Năm</i>	<i>2010</i>	<i>2011</i>	<i>2012</i>	<i>2013</i>	<i>2014</i>	<i>Tổng số</i>
Số lượng phạm nhân	1.000	1.302	1.133	1.193	1.277	5.905

**Bảng 3: Thống kê số lượng phạm nhân tại trại giam công an tỉnh Đắk Lắk**

<i>Năm</i>	<i>2010</i>	<i>2011</i>	<i>2012</i>	<i>2013</i>	<i>2014</i>	<i>Tổng số</i>
Số lượng phạm nhân	120	147	156	161	169	753

Về mức án, nhìn chung số phạm nhân có mức án cao trên 20 năm và tù chung thân có tỷ lệ thấp.

**Bảng 4: Thống kê số lượng các phạm nhân theo thời gian giam giữ**

<i>Án phạt</i>	<i>Dưới 3 năm</i>	<i>Từ 3- 7 năm</i>	<i>Từ 7 - 15 năm</i>	<i>Trên 15 năm</i>	<i>Chung thân</i>
Năm 2010	451	285	164	78	22
Năm 2011	634	371	169	101	27
Năm 2012	525	299	193	97	19
Năm 2013	449	392	206	114	32
Năm 2014	536	375	199	139	28

Phạm nhân là người nước ngoài: Do bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa và đa dạng về quốc tịch, một số phạm nhân không chịu khai nhận, không có giấy tờ để xác định quốc tịch hoặc có quốc tịch nhưng Đại sứ quán không nhận nên gặp nhiều khó khăn trong thủ tục trả tự do.

**Bảng 5: Thống kê trung bình chung hàng năm số lượng và trình độ cán bộ trực tiếp tiến hành công tác hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân trong các trại giam từ năm 2010 đến năm 2014**

<i>Cán bộ</i>	<i>Tổng số cán bộ</i>	<i>Sau đại học</i>	<i>Đại học</i>	<i>Trung học</i>	<i>Tốt nghiệp trường ngoài</i>
Ban Giám thị trại giam	06	2	4		
CB Giáo dục	55				
CB Quản giáo	60				
CB đội kế hoạch sản xuất	100				

**2.3.1. Về chế độ giam giữ**

Khi thi hành pháp luật về tổ chức giam giữ phạm nhân phân loại theo Điều 27 Luật thi hành án hình sự, ở một số cơ sở chấp hành án phạt tù còn chưa thực hiện đúng quy định, có trại giam chỉ đánh số buồng giam mang tính hình thức, một số trại giam chưa cập nhật đầy đủ số phạm nhân..

**2.3.2. Về chế độ ăn**

Những vi phạm về chế độ ăn uống của phạm nhân chủ yếu bộc lộ ở việc chưa đảm bảo định lượng, khẩu phần ăn cho phạm nhân theo quy định, chưa phân biệt chế độ ăn giữa các loại phạm nhân. Mặc dù theo số liệu tại Bảng 5 thể hiện về chế độ ăn đầy đủ, nhưng bằng các phương pháp điều tra xã hội học, phỏng vấn và chuyên gia cho thấy vẫn còn những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện chế độ ăn của phạm nhân.

**Bảng 6: Chế độ ăn của các phạm nhân**

<i>Năm</i>	<i>2010</i>	<i>2011</i>	<i>2012</i>	<i>2013</i>	<i>2014</i>
Đủ	x	x	x	x	x
Chưa đủ					

**2.3.3. Chế độ mặc**

Mặc dù theo số liệu tại Bảng 7 thể hiện về chế độ ăn đầy đủ, nhưng

bằng các phương pháp điều tra xã hội học, phỏng vấn và chuyên gia cho thấy vẫn còn những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện chế độ mặc của phạm nhân. Chế độ mặc và tư trang của phạm nhân vẫn bị vi phạm trên thực tế. Việc chưa cấp phát quần áo, đồ dùng sinh hoạt cho phạm nhân vẫn xảy ra ở một số nơi như năm 2008.

**Bảng 7: Chế độ mặc của các phạm nhân**

<i>Năm</i>	<i>2010</i>	<i>2011</i>	<i>2012</i>	<i>2013</i>	<i>2014</i>
Đủ	x	x	x	x	x
Chưa đủ					

#### **2.3.4. Chế độ ở**

Tồn tại chủ yếu khi thực hiện chế độ này là nhiều trại giam xuống cấp, quá tải đến đến những quy định về chỗ ở của phạm nhân không được thực hiện, chỗ nằm không đảm bảo, chế độ sinh hoạt không đạt yêu cầu.

#### **2.3.5. Chế độ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin**

Theo Báo cáo công tác trại giam năm 2010-2014 chế độ đọc báo, nghe đài, vui chơi, giải trí ở một số cơ sở chấp hành hình phạt tù còn chưa được quan tâm đầy đủ do còn nặng nề về lao động sản xuất, chưa quan tâm đúng mức đến đời sống văn hóa, tinh thần của phạm nhân.

#### **2.3.6. Chế độ chăm sóc y tế**

Hoạt động này còn nhiều thiếu sót, một số trại giam chưa thực hiện khám sức khỏe định kì cho phạm nhân theo Điều 19 Quy chế trại giam. Tại các trại giam này, một số bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo không được trại giam kịp thời làm thủ tục tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù nên dẫn đến ảnh hưởng đến sức khỏe của phạm nhân.

#### **2.3.7. Chế độ học tập**

Chế độ học tập của phạm nhân chưa được thực sự quan tâm, hình thức nghèo nàn, chưa tổ chức dạy xóa mù chữ cho phạm nhân (*xem Bảng 8*). Do cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu, không có giáo viên dạy văn hóa cho nên trại tạm giam không tổ chức dạy văn hóa cho phạm nhân được.

**Bảng 8: Thống kê trình độ học vấn của phạm nhân**

<i>Trình độ học vấn</i>	<i>Phạm nhân không biết chữ</i>	<i>Cấp 1</i>	<i>Cấp 2</i>	<i>Cấp 3</i>	<i>Trung cấp, cao đẳng trở lên</i>
Tỷ lệ %	04%	21%	52%	16%	07%

### 2.3.8. Chế độ lao động, dạy nghề

Trong chế độ lao động của phạm nhân bộc lộ một số tồn tại mà nhiều năm chưa được khắc phục. Như việc phân công lao động không phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe, thời gian lao động, nghỉ ngơi chưa được đảm bảo. Một số trại giam chú trọng sản xuất, coi trọng lợi ích kinh tế thiếu quan tâm đến đời sống sinh hoạt của phạm nhân trong lao động. Công việc nặng nhọc độc hại do phạm nhân làm chưa được bảo hộ an toàn dẫn đến ảnh hưởng sức khỏe của phạm nhân.

**Bảng 9: Thống kê nghề nghiệp của phạm nhân trước khi phạm tội**

Năm	Số lượng phạm nhân	Nghề nghiệp			
		Nông nghiệp	Công nhân	Các nghề khác	Không nghề
2010	1.000	473	19	197	311
2011	1.302	516	29	215	542
2012	1.133	507	21	232	373
2013	1.193	468	15	319	391
2014	1.277	401	27	341	508

**Bảng 10: Thống kê về nơi cư trú trước khi chấp hành án của phạm nhân**

Nơi cư trú	Thành phố, thị xã	Nông thôn, miền núi
Tỷ lệ %	17,5%	82,5%

### 2.3.9. Quyền được gặp thân nhân, nhận, gửi thư, quà, trao đổi thông tin bằng điện thoại và mua hàng tại căng tin

Đối với chế độ này, các cơ sở chấp hành hình phạt tù chưa tích cực thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình nên dẫn đến nhiều vi phạm. Việc tổ chức thăm gặp cho phạm nhân còn chưa được chú ý, nơi thăm gặp còn chưa được trang bị đầy đủ, chưa đảm bảo vệ sinh. Ngoài ra còn gây khó khăn cho công tác kiểm tra, kiểm soát đồ vật đưa vào trại giam.

### 2.3.10. Quyền khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan có thẩm quyền chưa tổ chức cho phạm nhân được thực

hiện đầy đủ quyền khiếu nại, tố cáo của mình. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo còn chậm trễ và bị động. Các khiếu nại, tố cáo từ phía phạm nhân chưa được báo cáo đầy đủ, phân tích và làm rõ vi phạm quyền của phạm nhân thông qua việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Qua phân tích thực trạng chung cho thấy vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế trên thực tế thực hiện các quy định của pháp luật trong việc bảo đảm quyền của phạm nhân, trong đó có cả những sai phạm từ phía các chủ thể thi hành pháp luật và cả việc các phạm nhân xâm phạm quyền lợi lẫn nhau. Những khiếu nại, tố cáo của cá nhân hay đặc biệt là của tập thể phạm nhân có ý nghĩa hết sức quan trọng bởi cho dù họ không được giải quyết xứng đáng hay dù họ bị thua trong các vụ kiện thì những sự kiện như vậy cũng thu hút sự quan tâm lớn của xã hội, của giới truyền thông, của những nhà lập pháp và thực thi pháp luật để tạo những cơ sở trong tương lai cho việc bảo đảm quyền của các phạm nhân được tốt hơn. Ngoài ra một cơ chế bảo đảm cho việc khiếu kiện chưa được thiết lập sẽ ảnh hưởng lớn đến việc các phạm nhân tự bảo vệ các quyền lợi của họ ở nơi giam giữ. Cơ chế này bao gồm cả việc bảo đảm cho phạm nhân không bị trừng phạt khi họ khiếu nại, tố cáo và phải có các biện pháp phòng ngừa việc trừng phạt hay thù hằn xảy ra.

### ***2.3.11. Quyền được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, và đặc xá của phạm nhân***

Những tồn tại trong việc thực hiện quyền này của phạm nhân thể hiện ở hình thức áp dụng pháp luật, vi phạm điều kiện áp dụng. Trong việc xét giảm và xét tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cho phạm nhân còn nhiều sai sót. Về công tác đặc xá được thực hiện nghiêm túc theo quyết định của Chủ tịch nước nhưng việc kiểm tra và thẩm định hồ sơ đặc xá vẫn còn một số thiếu sót, đó là các văn bản hướng dẫn về điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục tiến hành đặc xá cho cán bộ có thẩm quyền và phạm nhân chưa kịp thời, đồng bộ.

## **CHƯƠNG 3**

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHẠM NHÂN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

#### **3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam**

##### ***3.1.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự***

*a. Tội phạm hóa hành vi tra tấn.* Mặc dù Bộ luật Hình sự hiện đã có hai tội danh là tội bức cung và tội dùng nhục hình, nhưng các tội này rõ ràng chưa bao trùm hết nội hàm của hành vi tra tấn theo định nghĩa rất rộng nêu trong Công ước chống tra tấn của Liên hợp quốc. Như vậy, để phòng chống tra tấn, điều đầu tiên và rất quan trọng cần làm là nghiên cứu

bổ sung hệ thống các tội danh về vấn đề này trong Bộ luật Hình sự, trong đó nhất thiết cần quy định thêm tội tra tấn và đưa ra những định nghĩa cụ thể về các hành vi tra tấn phù hợp với những tiêu chuẩn liên quan của pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó hình phạt đối với tội tra tấn phải tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi.

*b. Bổ sung tội danh "Chống lại việc thực hiện nội quy trại giam"*

c. Nghiên cứu cải tiến các thủ tục tố tụng hiện hành, kể cả nghiên cứu đặt ra các thủ tục tố tụng đặc biệt nếu cần thiết để bảo đảm các hành vi tra tấn sẽ được điều tra, truy tố và xét xử một cách nhanh chóng và nghiêm minh. Điều này là bởi cũng như ở bất cứ quốc gia nào trên thế giới, thủ phạm của hành vi tra tấn ở Việt Nam thường là những người tiến hành tố tụng, trong khi việc điều tra, truy tố và xét xử cũng do các cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành nên không thể tránh khỏi những trường hợp cố ý trì hoãn, bao che cho những kẻ vi phạm. Đồng thời nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp luật và cơ chế bảo đảm quyền được bảo vệ của các nạn nhân và nhân chứng của hành vi tra tấn.

### **3.1.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật thi hành án phạt tù**

*a. Vấn đề cho phép luật sư tham gia bảo vệ quyền lợi hợp pháp của phạm nhân trong giai đoạn thi hành án*

*b. Đổi mới cơ chế pháp lý để giải quyết các khiếu nại, tố cáo của phạm nhân*

## **3.2. Bảo đảm sự thực thi của pháp luật**

### **3.2.1. Xác lập cơ chế thanh tra, kiểm tra giám sát để phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh các sai phạm vi phạm quyền và nghĩa vụ của phạm nhân**

Các định của pháp luật về quyền của phạm nhân muốn thực tiễn cuộc sống thì cần có cơ chế giám sát, cơ chế thực hiện và chế tài.

### **3.2.2. Xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cán bộ phục vụ cho công tác giam giữ, quản lý, giáo dục cũng như bảo đảm các quyền của phạm nhân chấp hành hình phạt tù ở trại giam**

Yêu cầu trước tiên của trại giam là phải quản lý, giam giữ chặt chẽ phạm nhân, không để họ có điều kiện trốn, chống phá, vi phạm nội quy trại giam và vi phạm pháp luật, đồng thời cũng hạn chế đến mức thấp nhất sự lan truyền cái xấu, tiêu cực của người này sang người khác. Việc giam giữ phạm nhân trong các buồng tập thể đông người tạo cho họ có môi trường giao tiếp và sinh hoạt tập thể. Nhưng khi muốn bóc tách, cách li những đối tượng nguy hiểm, chống đối có hành vi đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác thì rất khó khăn, vì nhiều trại giam

không có phòng riêng. Thực trạng này có nhiều nguyên nhân từ khó khăn của nền kinh tế, nhưng điều quan trọng là phải nhận thức đúng từ quan điểm xây dựng môi trường giáo dục cũng như từ yêu cầu quản lý và giáo dục phạm nhân nói chung để định hướng đúng đắn cho việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trại giam.

### **3.3. Xã hội hóa công tác giáo dục cải tạo phạm nhân nhằm tăng cường bảo vệ các quyền con người của phạm nhân**

Xã hội hóa công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm các quyền con người của phạm nhân bởi thực hiện tốt điều này giúp cho việc tái hòa nhập của phạm nhân, giúp tạo việc thực thi quyền thông tin và liên hệ với xã hội, gia đình, tạo cơ chế kiểm tra giám sát của xã hội đối với việc thực thi pháp luật thi hành án hình sự trong việc bảo đảm quyền con người của phạm nhân.

*Xã hội hóa giáo dục, cải tạo phạm nhân là hoạt động, quá trình khai thác, phát huy mọi nguồn lực, mọi điều kiện của nhà nước, của xã hội vào hoạt động giáo dục, cải tạo phạm nhân nhằm giúp họ đáp ứng các yêu cầu giáo dục cải tạo trong đời sống hiện nay.*

#### **3.3.1. Cơ sở pháp lý**

Thứ nhất, tăng cường tiến hành tổ chức các biện pháp giáo dục như tăng cường tổ chức các lớp học tập trung về quy định của pháp luật có liên quan đến phạm nhân trong quá trình chấp hành án nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của phạm nhân về quyền và nghĩa vụ cũng như địa vị pháp lý của mình. Từ đó, chấp hành tốt nội quy trại giam, yên tâm lao động cải tạo. Thường xuyên giáo dục trong tổ, đội phạm nhân trong việc đấu tranh, lên án, tố giác các hành vi vi phạm của phạm nhân khác. Việc tố giác, đấu tranh góp phần nêu cao ý thức, nhận thức của phạm nhân đối với hành vi sai phạm của phạm nhân khác góp phần đảm bảo an toàn trại giam, đây cũng là một trong những tiêu chí đánh giá về thái độ của phạm nhân trong quá trình chấp hành án.

Thứ hai, tăng cường tiến hành tổ chức các biện pháp quản lý như: công tác kiểm tra, kiểm soát công khai, tuần tra, canh gác, bảo vệ, dẫn giải phạm nhân đi lao động... để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm của phạm nhân. Đồng thời, khắc phục sơ hở, thiếu sót, không để cho phạm nhân có điều kiện thuận lợi để phạm nhân lợi dụng trốn, vi phạm nội quy.

#### **3.3.2. Nội dung xã hội hóa giáo dục, cải tạo phạm nhân**

Trước hết, để xã hội hóa công tác giáo dục cải tạo phạm nhân cần tuyên truyền, vận động huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân. Hoạt động này được lực lượng cảnh sát thi



hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp sử dụng chủ yếu thông qua việc giúp Bộ Công An tham mưu cho Chính phủ cũng như các cấp Đảng ủy và chính quyền địa phương đề ra nội dung hình thức đẩy mạnh các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, chủ động tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân đề cao cảnh giác và tham gia các hoạt động bảo vệ trại giam. Xây dựng các mô hình quản lý giam giữ phạm nhân có hiệu quả và xây dựng các lực lượng nòng cốt trong phạm nhân. Các trại giam phải tranh thủ sự đồng tình giúp đỡ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, quân đội, Công an và nhân dân khu vực xung quanh, phát hiện các đối tượng bên ngoài có liên hệ với phạm nhân và ngược lại, truy nã phạm nhân trốn khỏi trại giam, phối hợp với quần chúng nhân dân giải quyết các vụ bạo loạn gây rối do phạm nhân gây ra. Tranh thủ sự ủng hộ của thân nhân phạm nhân trong động viên giáo dục các phạm nhân chậm tiến bộ; phải biết lựa chọn các phạm nhân tiến bộ đưa vào Ban tự quản phạm nhân để giúp cán bộ trại giam quản lý các phạm nhân khác.

## KẾT LUẬN

Tóm lại, nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: “*Bảo đảm quyền con người của phạm nhân theo pháp luật Việt Nam*” cho phép rút ra các kết luận chung như sau:

Một là: Vận hành các cơ sở giam giữ phải theo nguyên tắc nhân quyền, tức là hoạt động trong khuôn khổ của luật nhân quyền quốc tế và tuân theo luật pháp quốc gia. Vận hành cơ sở giam giữ theo pháp luật có lợi cho phạm nhân và cả các nhân viên làm việc ở đây bởi họ được làm việc trong môi trường an ninh, chuyên môn của mình và cảm thấy được tôn trọng như bất kỳ công chức nhà nước nào. Bất cứ mô hình cơ sở giam giữ nào được đẩy mạnh phát triển cũng cần phải xuất phát từ các văn kiện nhân quyền quốc tế chứ không phải từ một nền văn hóa cá biệt. Cần loại bỏ bạo lực và tham nhũng trong các cơ sở giam giữ.

Hai là: Đối với một quốc gia có nguồn lực hạn chế từ chính phủ thì việc cải cách trước hết phải tập trung vào: a) thay đổi thái độ để có quan hệ tình người giữa cán bộ và phạm nhân; b) thay đổi quản lý để giảm nạn quan liêu và phân quyền, kiểm soát để giải phóng cho những giám thị cơ sở giam giữ ở địa phương tìm kiếm nguồn lực và sử dụng tốt nhất những gì họ có; c) tăng cường những hoạt động của phạm nhân trong việc sản xuất ra sản phẩm và tạo ra nguồn thu có giá trị, cải thiện việc duy trì cơ sở vật chất của nhà tù và tăng thời gian ở ngoài phòng giam chật chội; d) huy động sự tham gia của các nhóm xã hội dân sự vào các lĩnh vực nhằm giúp tù nhân và có thêm nguồn lực hữu ích.

Ba là: Giải quyết vấn đề quá đông trong các cơ sở giam giữ: a) xây thêm các cơ sở giam giữ và giảm số lượng phạm nhân là hai giải pháp dài hạn; b) ngắn hạn có thể bằng đặc xá, đại xá, tha tù trước thời hạn một số phạm nhân đủ điều kiện mà đặc biệt là những người bị bệnh tâm thần; c) sử dụng tốt hơn và hiệu quả hơn diện tích hiện có bằng cách xem lại mức độ an ninh, phân loại tù nhân theo mức độ an ninh.

Bốn là: Chuyển cơ sở giam giữ sang quản lý dân sự, phi quân sự. Cơ sở giam giữ cần phải là cơ sở dân sự, được vận hành theo đường lối cải tạo và coi phạm nhân là công dân chứ không phải kẻ thù.

Năm là: Đào tạo cho cán bộ cơ sở giam giữ luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu. Thay đổi thái độ và hành vi của cán bộ thường là trung tâm cho sự thành công của cải cách. Thiếu hành vi phù hợp của các cán bộ thì mọi biện pháp cải cách khác sẽ lúng túng.

Sáu là: Nhân đạo hóa cách đối xử với phạm nhân và lấy cải tạo là trung tâm đòi hỏi sự thay đổi về văn hóa. Một chế độ cải tạo mang hàm ý cơ hội giáo dục, làm việc, các hoạt động văn hóa và tôn giáo cũng như liên hệ với gia đình trong những điều kiện thuận lợi hợp với an ninh.

Bảy là: Cải thiện chăm sóc sức khỏe trong tù: chính phủ có nhiệm vụ chăm sóc phạm nhân với điều kiện y tế tương đương với tiêu chuẩn ở ngoài xã hội. Những nhân viên y tế trong cơ sở giam giữ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền phạm nhân, phòng ngừa ngược đãi và tra tấn, cho nên cần bảo đảm tính độc lập của họ và xây dựng mối liên hệ chặt chẽ với dịch vụ y tế công.

Tám là: Giám sát độc lập và cơ chế khiếu nại, tố cáo độc lập mà phạm nhân dễ tiếp cận cũng là yếu tố quan trọng. Một mặt giúp công chúng theo dõi nhân quyền, những điều kiện trong cơ sở giam giữ, mặt khác bảo vệ các nhân viên không bị chỉ trích sai. Thẩm phán, thanh tra viên, các cơ chế giám sát và khiếu nại tố cáo ở mỗi cơ sở giam giữ hoặc các tổ chức xã hội dân sự đều là những phương án tốt.

Chín là: Khuyến khích sự tham gia của xã hội dân sự: thiếu vắng sự tham gia này thì cải cách khó thực hiện và không bền vững.

Mười là: Những nhóm phạm nhân có đặc trưng riêng cần quan tâm đến một số nhu cầu và điều kiện sinh hoạt như trẻ em, người nước ngoài, người già yếu.